français de sammi

Leçon 6

Mots nouveaux

Cái khác, còn cái khác ?: _____

(n) Giày bóng rổ: _____

(a.m) Màu trắng: _____

(a.f) Màu trắng: _____

(a.m) Màu xanh (dương): _____

(a.f) Màu xanh (dương): _____

(a.m) Màu (tóc) vàng: _____

(a.f) Màu (tóc) vàng: _____

(a.m) Màu (tóc) nâu: _____

(a.f) Màu (tóc) nâu: _____

(n) Giày: _____

(n) Áo sơ-mi: _____

(n) Màu sắc: _____

Đồng ý: _____

(a.m) Cao, to, lớn: _____

(a.f) Cao, to, lớn: _____

(a) Màu vàng: _____

(n) Quần jean : _____

(n) Mắt kính : _____

(n) Áo măng-tô : _____

(a.m) Màu đen : _____

(a.f) Màu đen : _____

(n) Quần : _____

(a.m) Nhỏ, bé : _____

(a.f) Nhỏ, bé : _____

(v) Mang, mặc : _____

(n) Sự mô tả, chân dung : _____

(n) Áo len chui đầu : _____

(n) Váy : _____

(a) Màu đỏ : _____

(n) Áo phông : _____

(a.m) Màu xanh lá : _____

(a.f) Màu xanh lá : _____

(n) Quần áo : _____

Ghi chú :

n : danh từ
a : giống cái
v : động từ
f : giống cái
m : giống đực

LIVEWORKSHEETS